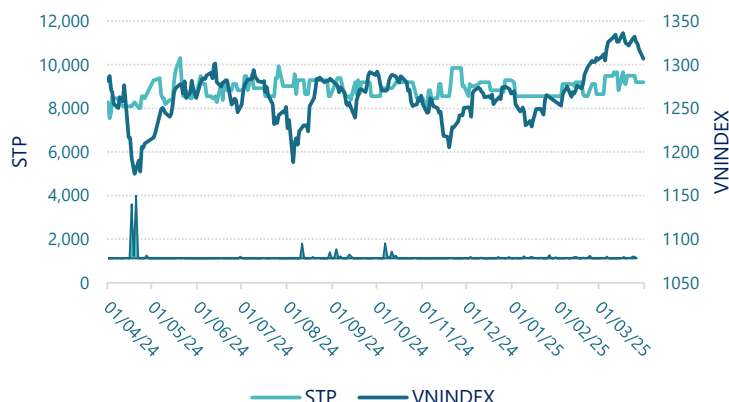


CTCP Công nghiệp Thương mại Sông Đà (HNX: STP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,304
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,544
SL cổ phiếu LH	8,022,063
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,700
% sở hữu nước ngoài	1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	74
P/E	12.9
EPS	713

DT thuần

Q1/25

56.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.00 | 14.2%

YoY: ▲ 11.4 | 25.5%

LN sau thuế

Q1/25

2.56

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.46 | 133%

YoY: ▼ 0.45 | -14.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

4.1%

+/- YoY: ▼ 1.8%

DT thuần

2024

197

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 18.0 | -8.6%

LN sau thuế

2024

6.17

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 3.93 | -39.0%

ROE

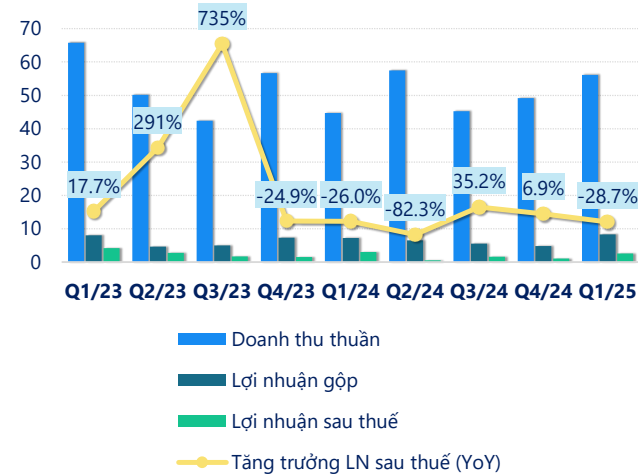
2024

4.3%

+/- YoY: ▼ 2.8%

tỷ VNĐ

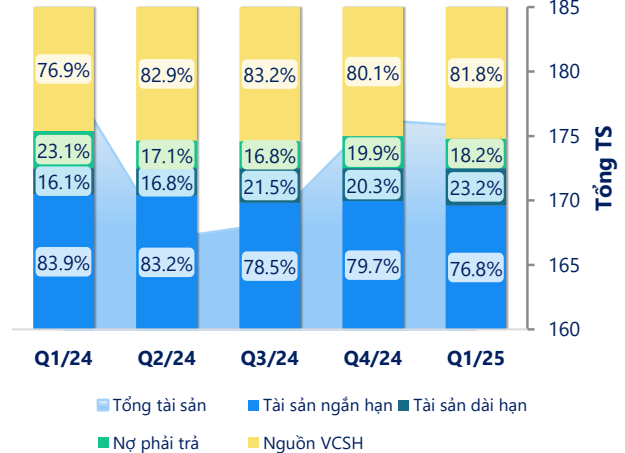
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

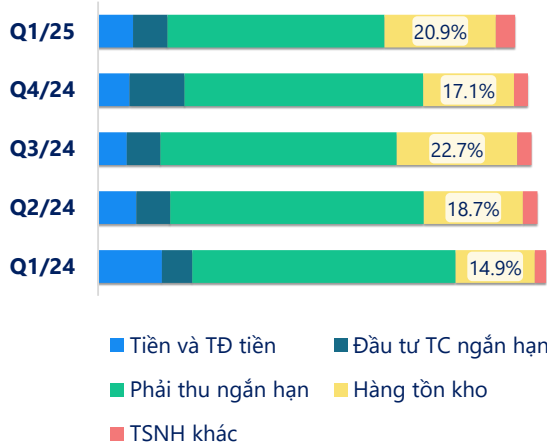
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



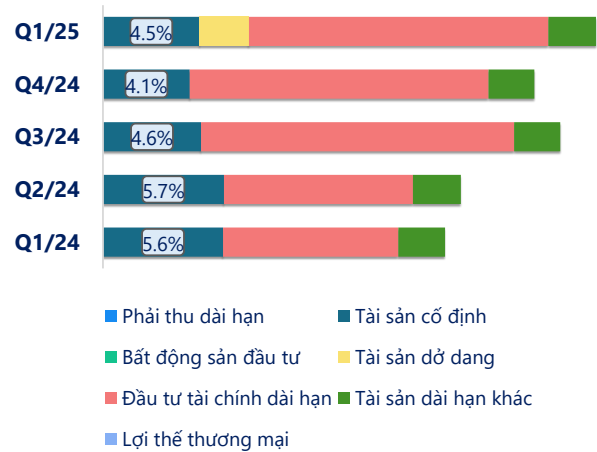
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

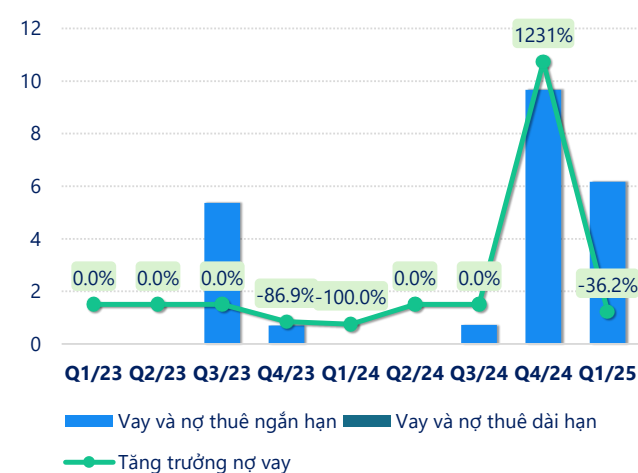
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

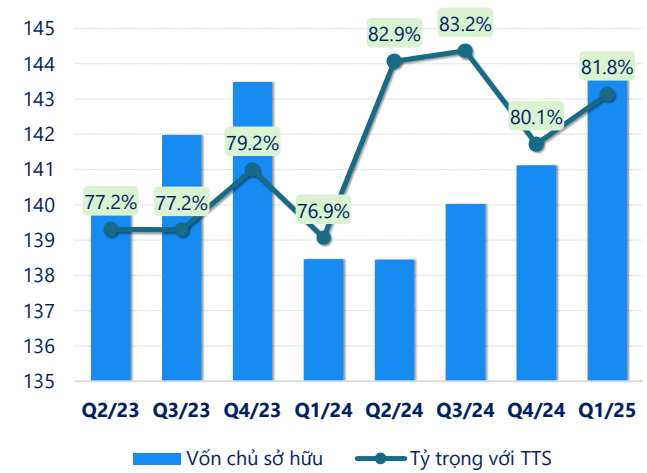
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

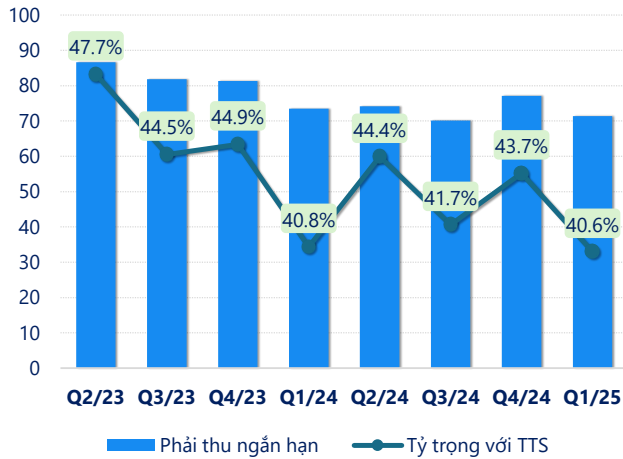
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



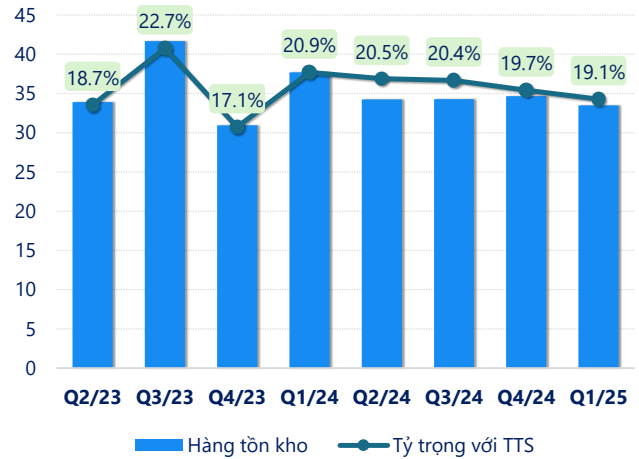
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


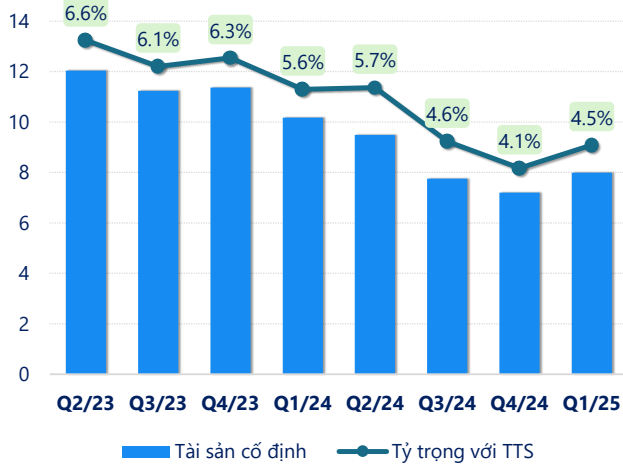
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


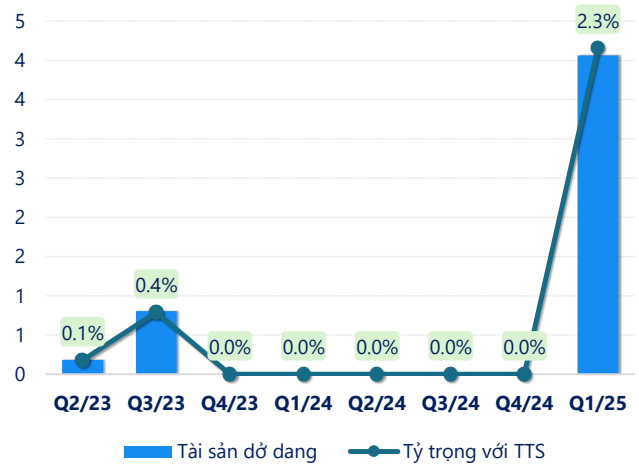
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

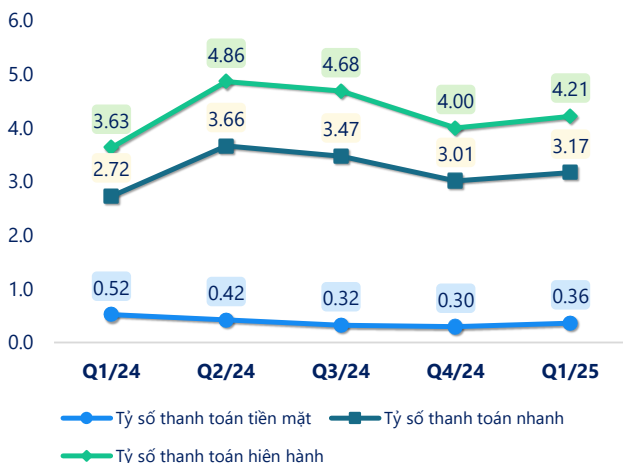
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	180	167	168	176	176
Tài sản ngắn hạn	151	139	132	140	135
Tiền và tương đương tiền	21.6	12.0	9.13	10.4	11.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.8	11.6	11.1	10.8	10.8
Phải thu ngắn hạn	73.5	74.1	70.1	77.1	71.4
Hàng tồn kho	37.7	34.2	34.3	34.7	33.5
Tài sản ngắn hạn khác	6.52	6.92	7.43	7.53	7.79
Tài sản dài hạn	29.0	28.1	36.2	35.8	40.7
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	10.2	9.49	7.76	7.20	7.99
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	4.07
Đầu tư tài chính dài hạn	14.9	14.9	24.8	24.8	24.8
Tài sản dài hạn khác	3.95	3.77	3.65	3.80	3.92
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	41.6	28.6	28.2	35.1	32.1
Nợ ngắn hạn	41.6	28.6	28.2	35.1	32.1
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0.73	9.67	6.17
Phải trả người bán ngắn hạn	22.8	20.7	20.1	15.4	19.8
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	138	138	140	141	144
Vốn chủ sở hữu	138	138	140	141	144
Vốn điều lệ	80.5	80.5	80.5	80.5	80.5
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)